TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2017/HNGĐ-ST
Ngày 23-8-2017
V/v "Tranh chấp ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Ninh

2. Ông Nguyễn Tuyển

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện GD xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 424/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm: 1979; (có mặt)

2. Bị đơn: Chị Liêu Ngọc L, sinh năm: 1982; (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ô1/100, khu phố TB A, thị trấn GD, huyện GD, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05-7-2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Nguyễn Văn P trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Liêu Ngọc L chung sống với nhau từ năm 1999, có tìm hiểu nhau trước, hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng chung sống có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn GD, huyện GD năm 2001.

Sau khi cưới, vợ chồng sống chung với cha mẹ ruột anh tại Ô1/100, khu phố TB A, thị trấn GD, huyện GD, tỉnh TN. Đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do vợ chồng có cải nhau về chuyện tiền bạc, nợ nần. Trong thời gian chung sống chị L thường xuyên bỏ nhà đi không báo nên anh có đánh chị L. Ngày 15-3-2016, chị L bỏ nhà đi nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 3-2016 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nay anh xin ly hôn với chị L.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 người con chung là cháu Nguyễn Thị

Ngọc H, sinh ngày 21-9-2000 và Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 11-10-2004. Hiện 02 người con đang sống với anh. Nay anh yêu cầu được nuôi 02 con, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng chung sống không có tài sản chung nên anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai nên không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10-7-2017, bị đơn chị Liêu Ngọc L trình bày:

Về hôn nhân: Do anh P thường xuyên đánh chị nên chị không thể tiếp tục chung sống cùng anh P, năm 2016 chị bỏ nhà đi. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh P.

Về con chung: Chị đồng ý giao cháu H và cháu Ph cho anh P được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng chung sống không có tài sản chung nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng chung sống không có nợ ai nên không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Còn những người tham gia tố tụng là anh P và chị L đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh P đối với chị L.

- Về con chung: Giao anh P được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục 02 cháu Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 21-9-2000 và Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 11-10-2004. Ghi nhận anh P không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh chị khai không có nên không giải quyết.

- Về nợ chung: Anh chị khai không có nên không giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm hôn nhân: Anh P chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tại phiên tòa, bị đơn chị Liêu Ngọc L có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn P và chị Liêu Ngọc L là tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn về tiền bạc và chị L thường xuyên bỏ nhà đi, anh P có đánh chị L. Tòa án đã mời chị L đến để công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng

chị L không tham dự mà có đơn xin giải quyết vắng mặt. Qua làm việc chị L đồng ý ly hôn. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh P là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Anh chị có 02 người con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 21-9-2000 và Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 11-10-2004. Hiện hai cháu đang sống với anh P. Anh P yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chị L thống nhất giao anh P được nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung. Xét thấy yêu cầu của anh P và chị L là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của 02 cháu Ngọc H và Tấn Ph, vì cả hai cháu đều có nguyện vọng muốn sống với cha, nên Hội đồng xét xử cần giao cho anh P nuôi là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản chung*: Anh chị khai không có nên không giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: Anh P và chị L đều thống nhất không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại anh chị nên không đặt ra giải quyết.

[6] *Về án phí*: Anh P chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 227 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn P đối với chị Liêu Ngọc L. Anh P được ly hôn với chị L.

2. *Về nuôi con chung*: Anh P được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 21-9-2000 và Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 11-10-2004. Chị L không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về chia tài sản*: Anh chị khai không có nên không giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Anh chị khai không có nên không giải quyết.

5. *Về án phí*: Anh P phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0012328 ngày 05-7-2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện GD. Anh P đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T N;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện GD;
- Chi cục THADS huyện GD;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn GD;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị An